

Số: 284/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 355/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Bà Nguyễn Thị Mai A**, sinh năm 1964; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: A16 khu X1, ngõ 17 H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- **Ông Nguyễn Đức D**, sinh năm 1959; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 188 K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: BT A5Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai A và ông Nguyễn Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội ngày 31/12/1987 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mai A và ông Nguyễn Đức D có 02 con chung là Nguyễn Đức A(nam), sinh ngày 21/5/1990 và Nguyễn Khánh N(nam), sinh ngày 21/6/1997. Cả hai con chung của ông bà đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, việc các con ở với ai do các con tự quyết định, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mai A và ông Nguyễn Đức D tự thỏa thuận, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ: Bà Nguyễn Thị Mai A và ông Nguyễn Đức D không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm và không có yêu cầu gì đối với ông D. Ông D đồng ý và không có ý kiến gì.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mai A và ông Nguyễn Đức D.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mai A và ông Nguyễn Đức D có 02 con chung là Nguyễn Đức A(nam), sinh ngày 21/5/1990 và Nguyễn Khánh N(nam), sinh ngày 21/6/1997. Cả hai con chung của ông bà đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, việc các con ở với ai do các con tự quyết định, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mai A và ông Nguyễn Đức D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về nợ: Bà Nguyễn Thị Mai A và ông Nguyễn Đức D xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Mai A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp tại Biên lai số 0014292 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ;
- UBND phường T, quận Đ, TP.Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 175, Quyển số 2, ngày 31/12/1987);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐINH QUỐC TRÍ